TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2024/DS-PT
Ngày: 30-9-2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Hữu

Các Thẩm phán tham gia: Ông Nguyễn Hồng Chương và ông Nguyễn Tài Sử

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thanh Nga, là Thư ký viên Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên toà: Bà Đặng Thị Mừng – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 33/2024/TLPT-DS ngày 10 tháng 6 năm 2024 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản",*

Do Bản án số 06/2024/DS-ST ngày 23-4-2024 của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2024/QĐXXPT-DS ngày 10-7-2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2024/QĐ-PT ngày 25-7-2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2024/QĐ-PT ngày 14-8-2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Nông, đối với các đương sự:

1.1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn P, xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Nông – vắng mặt.

1.2. Bị đơn: Bà Quách Thị H2, sinh năm 1974; địa chỉ: Thôn P, xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Nông – có đơn xin xét xử vắng mặt.

1.3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phan Văn B, sinh năm 1977; địa chỉ: Thôn P, xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Nông – vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Đồng Minh H, sinh năm 1996; nơi cư trú: Thôn 2, xã S, huyện R, tỉnh Đắk Nông; địa chỉ hiện tại: Số 10 đường C, thị trấn K, huyện R, tỉnh Đắk Nông – có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người kháng cáo: Bị đơn bà Quách Thị H2.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Theo đơn khởi kiện (đề ngày 21/8/2023, Tòa án nhận ngày 14/11/2023), quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H1 và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 16/9/2021 (ngày 10/8/2021 âm lịch), bà H1 cho bà H2 vay số tiền 60.000.000 đồng. Bà H2 nhận tiền và viết giấy vay với nội dung: Mượn của mấy chị em cùng thôn trong hội chơi phường hụi số tiền 60.000.000 đồng, mỗi tháng sẽ trả 3.000.000 đồng. Tuy giấy vay viết mượn tiền của hội, nhưng đây là tiền riêng của gia đình bà H1, bà H1 nói tiền cho vay là của nhóm hụi (bả Hoa là chủ hụi; bà H2 có tham gia chơi) là để thuận tiện cho việc đòi nợ sau này. Các khoản tiền của nhóm hụi, bà H1 đã giải quyết riêng với những người tham gia dây hụi, không ai có ý kiến gì.

Ngày 25/8/2022, bà H1 tiếp tục cho bà H2 vay số tiền 100.000.000 đồng để bà H1 đáo hạn Ngân hàng. Bà H2 viết giấy vay và ký nhận. Trong giấy vay không thỏa thuận lãi suất nhưng hết hạn 01 tuần như bà H2 đã hẹn mà không trả nên bà H1 yêu cầu bà H2 trả lãi 20%/năm (thỏa thuận miệng). Đối với dòng chữ "hẹn 1 tuần trả", sau khi bà H2 viết giấy vay chưa có nội dung này, bà H1 nhắc thì bà H2 nói bà H1 viết bổ sung vào.

Từ thời điểm mượn 02 khoản tiền trên đến nay, bà H1 đã yêu cầu nhiều lần nhưng bà H2 chưa trả. Vì vậy, bà H1 khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà H2 phải trả:

Số tiền 60.000.000 đồng, không yêu cầu lãi suất.

Số tiền 100.000.000 đồng và tiền lãi suất tạm tính từ ngày 26/8/2022 đến ngày 27/02/2024 là 18 tháng 01 ngày x 1,66%/tháng. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà H1 yêu cầu tính mức lãi suất 0,83%/tháng.

2. Quá trình giải quyết vụ án, Bị đơn bà Quách Thị H2 trình bày:

Bà H2 thừa nhận có viết giấy vay và ký tên đối với 02 khoản vay 60.000.000 đồng và 100.000.000 đồng bà H1 đã trình bày.

Đối với khoản vay 60.000.000 đồng ngày 10/8/2021, thời điểm này bà H2 có chơi hụi với mấy chị em trong thôn, bà H1 là chủ hụi. Giấy vay ngày 10/8/2021 thực chất là chân hụi 60.000.000 đồng bà H2 được hốt, nhưng do thời điểm đó kinh tế gia đình bà H2 khó khăn nên bà H1 yêu cầu bà H2 viết giấy vay để đảm bảo các tháng sau đóng đủ tiền hụi. Sau khi hốt chân hụi 60.000.000 đồng, hàng tháng bà H2 đều đóng đủ 3.000.000 đồng, khi đóng do chị em tin tưởng nhau nên không ai ghi giấy tờ gì, chỉ đưa tiền mặt. Hiện nay chân hụi này đã mãn hụi và giải tán, bà H2 đã đóng đầy đủ tiền, không còn nợ nần gì. Vì vậy bà H2 không đồng ý trả số tiền hụi 60.000.000 đồng cho bà H1.

Đối với khoản vay 100.000.000 đồng ngày 25/8/2022, bà H2 là người viết và ký tên trong giấy mượn. Trong giấy này các bên không thỏa thuận về thời hạn và lãi suất cho vay. Dòng chữ "hẹn trong vòng 1 tuần" là bà H1 tự ý viết vào. Về

lãi suất, hai bên không ghi vào trong giấy vay tiền nhưng có thỏa thuận miệng là 300.000đồng/ngày. Bà H2 đã trả lãi 02 tháng đầu là 18.000.000 đồng. Sau đó do không có khả năng trả lãi nên bà H2 xin bà H1 trả 2.000.000 đồng/tháng, bà đã trả 10 tháng. Tổng tiền lãi bà H2 đã trả cho bà H1 là 38.000.000 đồng. Quá trình vay mượn, bà H1 đã lấy một chân hụi 50.000.000 đồng của bà H2, nên bà H2 chỉ còn nợ bà H1 số tiền gốc 50.000.000 đồng, tiền lãi bà H2 xin trả theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bà H1 còn 04 lần xuống cửa hàng tạp hóa của bà H2 lấy hàng trừ nợ với số tiền khoảng 25.000.000 đồng.

3. Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phan Văn B trình bày:

Ông đồng ý với lời trình bày của vợ là bà Nguyễn Thị H1, xác định số tiền mà bà H2 nợ là tài sản chung của vợ chồng ông, không liên quan gì đến tiền hụi. Yêu cầu bà Quách Thị H2 phải có nghĩa vụ thanh toán số nợ cho vợ chồng ông như bà H1 đã yêu cầu.

Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2024/DS-ST ngày 23-4-2024 của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô đã quyết định: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 282, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật Dân sự; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn. giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H1.

Buộc bà Quách Thị H2 phải trả cho bà Nguyễn Thị H1, ông Phan Văn B tổng số là: 176.518.000 đồng (Một trăm bảy người sáu triệu năm trăm mười tám nghìn đồng), trong đó: nợ gốc 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng) không tính lãi suất; nợ gốc 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) và lãi suất 16.518.000 đồng (Mười sáu triệu năm trăm mười tám nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 24/4/2024) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Ngoài ra Bản án còn tuyên lãi chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 07-5-2024, Bị đơn bà Quách Thị H2 kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bên vắng mặt nên không phát sinh ý kiến và tranh luận.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Nông sau khi phân tích các tình tiết, phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Đơn kháng cáo của Bị đơn bà Quách Thị H2 thực hiện trong thời hạn luật định. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng thủ tục theo Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn: Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 06/2024/DS-ST ngày 23/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô về nội dung quyết định buộc bà Quách Thị H2 phải trả cho cho bà Nguyễn Thị H1 và ông Phan Văn B số tiền 116.518.000 đồng, trong đó nợ gốc 100.000.000 đồng và lãi suất 16.518.000 đồng. Hủy một phần bản án liên quan đến nội dung nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền 60.000.000 đồng theo giấy mượn tiền ngày 10/8/2021. Chuyển hồ sơ vụ án về Tòa án nhân dân huyện Krông Nô để giải quyết lại nội dung này theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đối chiếu quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Quách Thị H2 trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định của Điều 273, 276 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Xét nội dung giải quyết vụ án và yêu cầu kháng cáo của bị đơn:

[2.1]. Đối với khoản vay 60.000.000đ ngày 10/8/2021:

Nguyên đơn cho rằng, ngày 10/8/2021, Nguyên đơn cho Bị đơn vay số tiền 60.000.000đ. Số tiền này thực chất là tiền riêng của gia đình Nguyên đơn, tuy nhiên để thuận tiện trong việc đòi nợ, Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn viết giấy vay với nội dung vay tiền của nhóm hụi. Bị đơn cho rằng, số tiền vay này thực chất là tiền đến lượt hốt hụi của Bị đơn, việc ghi giấy vay là nhằm đảm bảo nghĩa vụ của Bị đơn đóng đủ tiền hụi các tháng sau này. Bị đơn đã đóng đầy đủ tiền và hiện tại dây hụi đã chấm dứt, Bị đơn không còn nợ nần gì số tiền này. Tại Giấy mượn tiền ngày 10/8/2021 thể hiện: *"Tôi tên là Quách Thị H2… có mượn của mấy chị em cùng thôn số tiền 60.000.000đ. Hội chơi phường chị em giúp nhau. Tôi khó khăn nên chị em nhường tôi lấy trước. Hàng tháng tôi hứa sẽ đóng đầy đủ với số tiền là 3.000.000đ"*.

Như vậy, chứng cứ và lời khai của các bên có sự mâu thuẫn trong việc xác định số tiền bà H2 vay là của Nguyên đơn hay nhóm hụi. Nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa triệu tập những người có liên quan để xác minh làm rõ bà H1 và bà H2 có chơi hụi hay không, những ai cùng tham gia chơi hụi, ai là chủ hụi; có

việc bà H2 hốt hụi và viết giấy vay đảm bảo đóng lại đủ khoản hụi đã hốt hay không, số tiền hụi hàng tháng bà H2 đã đóng đủ hay còn nợ, có việc bà H2 vay tiền của cá nhân bà H1 hay nhóm hụi hay không, những ai chứng kiến…. mà đã xác định 60.000.000đ là tiền riêng của vợ chồng bà H1 để buộc bà H2 trả là chưa đủ cơ sở vững chắc.

Ngoài ra, vì bà H1 không yêu cầu lãi suất đối với số tiền vay, nên thời điểm tính lãi của số tiền còn phải thi hành án là "*kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án)*", và mức lãi suất "*theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015*" (**điểm b** khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm). Tuy nhiên, Tòa án sơ thẩm áp dụng **điểm a** khoản 1 Điều 13 Nghị quyết tính "*từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm*" và mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 là không chính xác.

Do những sai sót đã nêu, HĐXX xét thấy cần hủy một phần bản án liên quan đến khoản vay 60.000.000đ.

***[2.2]. Đối với số tiền vay 100.000.000đ*:** Bà H2 đã thừa nhận nên đây là tình tiết không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2.1]. Đối với tiền gốc: Bà H2 cho rằng đã trả một phần tiền gốc 50.000.000đ nhưng bà H1 không thừa nhận, bà H2 không có tài liệu chứng minh đã trả tiền. Do đó, Tòa án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà H1, buộc bà H2 phải trả toàn bộ tiền gốc 100.000.0000đ theo giấy vay tiền là có căn cứ.

[2.2.2]. Đối với lãi suất trên số tiền gốc 100.000.000đ:

Xét loại hợp đồng vay: Nguyên đơn bà H1 cho rằng khoản vay 100.000.000đ là có kỳ hạn, Bị đơn bà H2 cho rằng không kỳ hạn. Trong giấy vay tiền không thỏa thuận thời hạn trả nợ, đồng thời cả Nguyên đơn và Bị đơn đều thừa nhận dòng chữ "Hẹn trả trong vòng một tuần" là bà H1 viết thêm vào. Do đó cần xác định đây là hợp đồng vay không kỳ hạn theo Điều 469 của Bộ luật Dân sự.

Bản án sơ thẩm có lúc xác định hợp đồng vay không kỳ hạn, có lúc xác định hợp đồng vay có kỳ hạn, đồng thời tuyên mức lãi suất tính theo hợp đồng vay có kỳ hạn là chưa chính xác.

Về lãi suất: Bà H1 cho rằng 20%/năm, bà H2 cho rằng 300.000đ/tháng; hai bên thỏa thuận miệng, không chứng minh và không thống nhất được mức lãi, do đó thuộc trường hợp các bên có tranh chấp về lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà H1 yêu cầu tính mức lãi suất 0,83%/tháng. Mức lãi này phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 468 và

điểm a khoản 2 Điều 5 Nghị quyết 01/2019: "*Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tại thời điểm trả nợ*", do đó cấp sơ thẩm chấp nhận mức lãi này là phù hợp.

Về thời điểm tính lãi: Vì là hợp đồng vay không kỳ hạn, bên cho vay có quyền đòi lại tài sản bất cứ lúc nào, nhưng phải báo trước cho bên vay một thời gian hợp lý. Bà H1 chỉ khai đã yêu cầu bà H2 trả nợ nhưng không đưa ra được tài liệu chứng minh thời điểm đòi nợ, vì vậy cần xác định "thời gian hợp lý" tính từ ngày bà H1 nộp đơn khởi kiện ngày 14/11/2023 là phù hợp (xác định thời gian từ lúc bà H1 yêu cầu đến trước ngày nộp đơn khởi kiện là khoảng thời gian báo trước hợp lý).

Tòa án sơ thẩm xác định thời gian chậm trả để tính lãi nợ gốc là ngày liền kề sau ngày ký hợp đồng vay 25/8/2022 là không chính xác, ảnh hưởng đến quyền lợi của Bị đơn (*Theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 6 Nghị quyết 01/2019, thời gian chậm trả nợ gốc bắt đầu kể từ ngày tiếp theo liền kề của ngày hết "thời gian hợp lý", như đã nhận định ở trên là ngày nộp đơn khởi kiện*).

[2.2.3]. Từ những phân tích, nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận kháng cáo của Bị đơn, hủy một phần bản án sơ thẩm đối với số tiền vay 60.000.000đ; sửa một phần bản án đối với số tiền vay 100.000.000đ.

Cụ thể đối với số tiền 100.000.000 đồng cần buộc Bị đơn phải trả cho Nguyên đơn:

- Tiền gốc là 100.000.000 đồng.

- Tiền lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả: (100.000.000đ x 10%/năm) x 19 tháng 28 ngày (từ ngày 25/8/2022 là ngày viết giấy vay đến ngày 23/4/2024 là ngày xét xử sơ thẩm) = 16.610.000 đồng (làm tròn).

- Tiền lãi trên nợ lãi chưa trả = (16.610.000đ x 10%/năm) x 19 tháng 28 ngày (từ ngày 25/8/2022 là ngày viết giấy vay đến ngày 23/4/2024 là ngày xét xử sơ thẩm) = 2.759.000 đồng (làm tròn).

- Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả = (100.000.000đ x 150% x 10%/năm) x 05 tháng 08 ngày (từ ngày 15/11/2023 là ngày tiếp sau liền kề ngày hết "thời hạn hợp lý" đến ngày 23/4/20024 là ngày xét xử sơ thẩm) = 6.583.000 đồng (làm tròn).

Tổng cộng, buộc bà H2 phải trả cho bà H1 và ông B số tiền gốc là 100.000.000 đồng và tiền lãi là 25.952.000 đồng.

[3]. Về án phí

Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà H2 phải chịu án phí đối với tổng số tiền phải trả cho bà H1 là: 125.952.000 đồng x 5% = 6.298.000 đồng (làm tròn).

Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên bà H2 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, trả lại cho bà H2 tiền tạm ứng án phí đã nộp.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 308; Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Chấp nhận kháng cáo của Bị đơn bà Quách Thị H2. Tuyên xử:

1. Hủy một phần bản án dân sự sơ thẩm số 06/2024/DS-ST ngày 23-4-2024 của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông đối với số tiền vay 60.000.000 đồng, chuyển hồ sơ về cho Tòa án nhân dân huyện Krông Nô giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

2. Sửa một phần bản án đối với số tiền vay 100.000.000 đồng.

Căn cứ các Điều 282, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 của BLDS. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 13; khoản 2, 3 Điều 5, Điều 6 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H1.

Buộc bà Quách Thị H2 phải trả cho bà Nguyễn Thị H1 và ông Phan Văn B số tiền gốc là 100.000.000 đồng và tiền lãi là 25.952.000 đồng. Tổng cộng là 125.952.000 đồng (*một trăm hai mươi lăm triệu chín trăm năm hai nghìn đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong. bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Quách Thị H2 phải chịu 6.298.000 đồng (*sáu triệu hai trăm chín mươi tám nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Tạm ứng án phí của bà Nguyễn Thị H1 sẽ được giải quyết khi có bản án sơ thẩm xét xử lại.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Trả lại cho bà H2 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000575 ngày 16/5/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Nông.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao TP HCM;
- VKSND tỉnh Đăk Nông;
- TAND huyện Krông Nô;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu: THCTP, Tòa DS, HSVA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Lê Văn Hữu